

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN GIANG
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 23/01/2025

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: bà Đỗ Thị Thoa

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoan và ông Nguyễn Quyết Thăng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lưu Thị Thủy - Thư ký TAND huyện Văn Giang

-*Đại diện VKSND huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa:* Bà Lý Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 140/2024/TLST-HNGĐ ngày 28/10/2024 về việc “**Xin ly hôn**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXX-HNGĐ ngày 08/01/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị S, sinh năm: 1993

HKTT: Thôn Đ, xã N, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Bị đơn: Anh Ngô Khương Mạnh B, sinh năm: 1992

HKTT: Thôn Đ, xã N, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Cháu Ngô Tùng L1, sinh ngày: 01/02/2016

- Cháu Ngô Gia K, sinh ngày: 13/9/2018

Cùng trú tại: Thôn Đ, xã N, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện hợp pháp của cháu L1 và cháu K là mẹ đẻ các cháu - chị Đỗ Thị S.

Người làm chứng:

- Ông Ngô Quang T, sinh năm 1971

Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

- Chị Đỗ Thị L2, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Tại phiên tòa: Vắng mặt toàn bộ các đương sự và người làm chứng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Đỗ Thị S trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Chị và anh Ngô Khương Mạnh B tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã N ngày 12/01/2012. Sau khi được bai bên gia đình tổ chức lễ cưới, vợ chồng chung sống tại gia đình chồng, ăn chung. Hai vợ chồng đều làm công nhân. Cuộc sống chung vợ chồng chỉ hạnh phúc được thời gian ngắn đã bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Do anh B không đi làm thường xuyên mà ở nhà chơi bời, lêu lổng, điện tử, cờ bạc. Chị S phải đi làm nuôi con, hàng tháng chị có phụ giúp thêm cho bố mẹ chồng tiền sinh hoạt. Anh B không làm ra kinh tế mà hoàn toàn phụ thuộc vào bố mẹ chồng. Chị S có góp ý thì bị anh chửi lại. Có thời gian anh B đi làm bảo vệ, rồi làm nhân viên ở quán hát thì anh B cặp kè với nhân viên ở quán đó. Khi chị S sinh con lớn được 02 tháng thì anh B bị bắt và bị xử phạt tù về hành vi đánh bạc phải đi chấp hành án tại Trại giam ở Vĩnh Phúc. Khi chị S gần sinh con thứ hai thì anh B lại bị bắt cũng về hành vi đánh bạc và bị xử phạt tù, chấp hành tại Trại tạm giam ở Hà Nam. Cuối năm 2021 anh B chấp hành xong hình phạt tù và về nhà. Vợ chồng vẫn tiếp tục chung sống với nhau, anh B xin đi làm quản lý ở V được mấy tháng, sau đó lại cặp kè với một cô nhân viên ở quán. Vợ chồng từ đó cãi nhau, không còn hạnh phúc. Hiện chị S đã mang hai con về nhà bố mẹ đẻ ở, còn anh B đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H về hành vi “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Nhận thấy hôn nhân với anh B không có hạnh phúc. Nay chị không còn tình cảm gì, không còn muốn tiếp tục chung sống với anh B nữa. Vậy nên, chị quyết định xin ly hôn với anh B để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có hai con chung là cháu Ngô Tùng L1, sinh ngày 01/02/2016 và cháu Ngô Gia K, sinh ngày 13/9/2018. Hiện nay chị đang nuôi dưỡng cả hai con. Anh B đang bị tạm giam, không có đủ điều kiện và khả năng để nuôi con, cả hai cháu đều có nguyện vọng được ở với chị nên chị đề nghị Tòa án cho chị được quyền nuôi dưỡng hai con chung đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị tự nguyện không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ, công sức và đất nông nghiệp: Vợ chồng chị không có gì chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của anh Ngô Khương Mạnh B trình bày: Anh và chị Đỗ Thị S đăng ký kết hôn hợp pháp ngày 12/01/2012, vợ chồng anh chị ở cùng bố mẹ anh, ăn chung được khoảng 02 năm thì ra ăn riêng nhưng vẫn ở cùng nhà với bố mẹ anh. Hai vợ chồng đều làm công nhân. Năm 2013, anh B bị bắt và bị xử phạt án treo về hành vi đánh bạc. Năm 2016 anh B lại phải chấp hành 09 tháng tù về tội đánh bạc. Đến năm 2018 anh B phải đi chấp hành án phạt tù 03 năm 06 tháng cũng về hành vi đánh bạc, vợ chồng anh nảy sinh mâu thuẫn từ khi anh đi chấp hành án phạt tù này. Khi anh B đi chấp hành án phạt tù chị S cũng có đi thăm gặp anh được vài lần. Anh B chấp hành xong hình phạt trở về vợ chồng anh chị có ở cùng nhau được một thời gian ngắn, nhưng lại nảy sinh quá nhiều mâu thuẫn bất đồng, không hạnh phúc. Từ đó, anh B đi làm ăn ít khi ở

nhà với vợ con. Từ năm 2022 cho đến nay anh và chị S hoàn toàn ly thân, không còn quan tâm gì đến cuộc sống của nhau. Nay chị S xin ly hôn thì anh đồng ý ly hôn với chị.

Anh xác nhận vợ chồng có 02 con chung như chị S trình bày. Anh đang bị tạm giam nên không có khả năng để nuôi con và sắp tới anh sẽ phải đi chấp hành án phạt tù nên không đủ điều kiện để nuôi con nên anh đồng ý để chị S được quyền nuôi cả 02 con chung đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, công nợ, công sức và đất nông nghiệp: Vợ chồng không có gì chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do đang bị tạm giam tại Trại tạm giam nên anh làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử ly hôn vắng mặt anh.

Cháu Ngô Tùng L1 - con chung của chị S và anh B trình bày: Bố mẹ cháu đều làm công nhân nhưng bố cháu hay đi chơi đến khuya mới về, mẹ cháu nói thì bố mẹ cháu cãi nhau và có mấy lần bố đánh mẹ. Từ khi cháu học lớp 1, bố mẹ cháu đã cãi nhau. Mẹ chở cháu về nhà bà ngoại, cả 03 mẹ con cháu ở nhà bà ngoại nhưng vẫn đi học ở trường gần nhà ông bà nội. Bố cháu đi làm xa, không hay được về nhà, cháu 03 lần được mẹ và ông bà cho đi thăm bố, bố bảo bố đang làm việc bận nên không về được. Nếu bố mẹ cháu không còn ở với nhau mà bỏ nhau, cháu xin Tòa án cho cháu được ở cùng với mẹ cháu, mẹ quan tâm, chăm sóc anh em cháu nhiều hơn bố. Cháu xin vắng mặt khi Tòa án tiến hành hòa giải, xét xử vụ án.

Người làm chứng ông Ngô Quang T - bố đẻ anh B cho biết: Năm 2012 gia đình ông tổ chức lễ cưới cho anh B và chị Đỗ Thị S. Sau khi kết hôn, ông cho anh B, chị S về cùng chung sống tại nhà của vợ chồng ông. Anh B, chị S đều đi làm công nhân nhưng không có đóng góp gì cho ông mà mọi chi tiêu sinh hoạt đều do vợ chồng ông đảm nhiệm. Ông và vợ ông còn trông giúp hai con của anh chị để anh chị đi làm. Anh B có chơi bời, cờ bạc và 02 lần phải đi chấp hành án phạt tù về tội đánh bạc. Tháng 09/2024 anh B lại bị tạm giam về hành vi “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Khi anh B còn ở nhà thì vợ chồng anh vẫn thường xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau. Khoảng hơn 01 năm nay, chị S đã về ở hẳn nhà bố mẹ đẻ. Hai con của anh chị vẫn đang học ở N, buổi trưa thì về nhà ông ăn cơm, đến tối chị S đón các con về nhà ngoại. Nay chị S xin ly hôn, gia đình ông cũng nhất trí cho anh chị ly hôn. Gia đình ông và vợ chồng anh B không có liên quan gì về tài sản, công nợ, công sức nên ông không có ý cầu gì. Do bận công việc nên ông xin vắng mặt khi Tòa án hòa giải, xét xử vụ án.

Người làm chứng chị Đỗ Thị L2 – chị ruột của chị S trình bày: Chị S kết hôn hợp pháp với anh Ngô Khương Mạnh B, sinh năm 1992 ở thôn Đ, xã N, huyện V, tỉnh Hưng Yên. Sau khi kết hôn, chị S ở cùng bố mẹ chồng, chị S đi làm công nhân còn anh B không có công việc ổn định, ăn chơi lêu lổng, cờ bạc gái gú. Chị chứng kiến chị S quá khổ từ khi lấy anh B, chưa đẻ, con nhỏ không hề có chồng bên cạnh, một mình nuôi con từ khi sinh các con ra cho đến nay. Anh B ngoài những lúc đi tù thì ở nhà cũng không đỡ đàn gì về kinh tế hay chăm sóc con mà chỉ chơi bời, không chăm lo gì đến gia đình.

Kết quả xác minh tại chính quyền thôn Đ và UBND xã N: Chị Đỗ Thị S và anh Ngô Khương Mạnh B đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã N ngày 12/01/2012. Anh chị có 02 con chung là cháu Ngô Tùng L1, sinh ngày 01/02/2016 và cháu Ngô Gia K, sinh ngày 13/9/2018. Hiện anh B đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H, khi còn ở nhà anh B thường xuyên ăn chơi, lêu lổng, không tu chí làm ăn, không chăm sóc gia đình vợ con và dính vào tệ nạn xã hội. Chị S đã về nhà mẹ đẻ ở tại thôn B, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên. Vợ chồng anh B mâu thuẫn ra sao chính quyền địa phương không nắm được.

Sau khi thụ lý vụ án, do anh B đang bị tạm giam tại Trại tạm giam, không thể có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án. Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của anh B, tiến hành các phiên họp theo quy định và thông báo kết quả cho anh B được biết. Tuy nhiên do anh B vắng mặt nên không thể tiến hành hòa giải vụ án được mà phải đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên toà:

Chị Đỗ Thị S và anh Ngô Khương Mạnh B đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Văn Giang tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, hoạt động thu thập chứng cứ đúng trình tự thủ tục đảm bảo khách quan, Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi, thủ tục tố tụng tại phiên tòa được Hội đồng xét xử tiến hành đảm bảo đúng quy định.

Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 70; Điều 71, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị S, cho chị được ly hôn anh B. Về con chung: Đề nghị giao cháu Ngô Tùng L1 và cháu Ngô Gia K cho chị S nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi, chấp nhận sự tự nguyện của chị S không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, công nợ, công sức, đất nông nghiệp chấp nhận yêu cầu của chị S, anh B không xem xét giải quyết. Về án phí, nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của chị S về việc xin ly hôn anh Ngô Khương Mạnh B; HKTT: Thôn Đ, xã N, huyện V, tỉnh Hưng Yên và xin được nuôi dưỡng con chung. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Văn Giang thụ lý và đưa ra giải quyết vụ án hôn nhân gia đình là đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định pháp luật.

Bị đơn anh B vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Tuy nhiên, anh đã có đơn đề nghị giải quyết, xét xử ly hôn vắng mặt. Nguyên đơn chị S cũng có đơn xin xét xử vắng mặt. Cháu L1, ông T, chị L2 cũng đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt họ. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người này là phù hợp quy định pháp luật.

[2]. Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Chị S và anh B được xác lập kể từ ngày đăng ký kết hôn tại UBND xã N ngày 12/01/2012, đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo hộ. Vợ chồng anh chị chung sống không hạnh phúc do anh B chơi bời, không tu chí làm ăn và không chăm lo cho gia đình, mắc vào tệ nạn xã hội. Anh B hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H. Chị S cũng đã chuyển về nhà mẹ đẻ ở. Nay chị S xin được ly hôn, anh B đồng ý ly hôn với chị. Những nội dung này phù hợp với lời trình bày của người làm chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, kết quả xác minh tại địa phương. Như vậy có căn cứ xác định vợ chồng chị S, anh B mâu thuẫn đã kéo dài và trầm trọng, trên thực tế hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên sẽ chấp nhận yêu cầu của chị S, cho chị được ly hôn anh B.

[3] Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Ngô Tùng L1 sinh ngày 01/02/2016 và cháu Ngô Gia K, sinh ngày 13/9/2018. Hiện nay chị S đang nuôi dưỡng cả hai con, chị yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cả hai con chung, tự nguyện không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy hiện anh B đang bị tạm giam tại Trại tạm giam, từ khi anh B bị tạm giam chị S là người trực tiếp nuôi dưỡng hai con. Chị S đang có công việc và thu nhập ổn định đủ để nuôi dưỡng tốt cho hai cháu. Anh B đang bị tạm giam và thời gian tới có thể phải chấp hành hình phạt tù, không đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Hơn nữa, hai cháu đều có nguyện vọng muốn được ở với chị S. Vì vậy, yêu cầu được quyền nuôi con chung của chị S là phù hợp với hoàn cảnh hiện nay của vợ chồng, phù hợp với nguyện vọng của các con. Vậy nên HĐXX sẽ giao 02 con chung cho chị S được quyền nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi và chấp nhận sự tự nguyện của chị S không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về công sức, tài sản chung, công nợ, đất nông nghiệp: Chị S và anh B cùng xác nhận không có gì chung và đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết vấn đề này.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị S phải nộp án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 203, khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 229; Điều 235; Điều 266; Điều 267 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 53; Khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Luật phí và lệ phí; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử :

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đỗ Thị S được ly hôn anh Ngô Khương Mạnh B.

2. Về con chung: Giao cho chị Đỗ Thị S được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Ngô Tùng L1, sinh ngày 01/02/2016 và cháu Ngô Gia K, sinh ngày 13/9/2018 đến khi các cháu đủ 18 tuổi, anh Ngô Khương Mạnh B không phải cấp dưỡng nuôi cháu L1 và cháu K.

Sau ly hôn không ai được cản trở, ngăn cấm anh Ngô Khương Mạnh B thăm nom, chăm sóc con chung.

Vì quyền lợi của con chung, chị S và anh B đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, yêu cầu hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau khi ly hôn.

3. Về công sức, tài sản chung, công nợ, đất nông nghiệp: Không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đỗ Thị S phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, đối trừ số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại biên lai thu tiền số 0003001 ngày 28/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Giang, nay chị S không phải nộp thêm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA, TAND tỉnh HY.
- VKSND huyện Văn Giang;
- Chi cục THADS huyện Văn Giang;
- UBND xã Nghĩa Trụ (ĐK số 07/2012 ngày 12/01/2012);
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thoa